TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẬP THẠCH** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HS-ST
Ngày 29 tháng 04 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Anh Tuấn – Bí Thư đoàn xã xuân Lôi

Bà Nguyễn Thị Tuyết

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Lại Phương Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà***: Ông Nguyễn Công Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 04 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Triệu Văn T, sinh ngày 16/7/2001 tại tỉnh V; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh V; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn Đ và bà Triệu Thị G (đã chết); vợ, con: Không; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/9/2019 (có mặt).

2. Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 03/8/2000 tại tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh V; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (không xác định) và bà Nguyễn Thị H; vợ, con: Không; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/9/2019 (có mặt).

3. Lưu Văn T1, sinh ngày 16/9/2001 tại tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh V; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn):

9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn T và bà Nguyễn Thị Đ (đã chết); vợ, con: Không; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/01/2020 đến ngày 24/01/2020, hiện tại ngoại (có mặt).

4. Lê Xuân T2, sinh ngày 02/8/2003 tại tỉnh V; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh V; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn S (đã chết) và bà Triệu Thị T; vợ, con: Không; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (có mặt);

5. Nguyễn Văn C, sinh ngày 29/01/2002 tại tỉnh V; nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh V; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Lưu Thị H; vợ, con: Không; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (có mặt);

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Xuân T2: Chị Triệu Thị T, sinh năm 1973 (mẹ đẻ bị cáo T2); trú tại: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh V (có mặt);

Người bào chữa cho bị cáo Lê Xuân T2 và Nguyễn Văn C: Ông Nguyễn Văn T, Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

Bị hại: Anh Khổng Văn H (tên gọi khác Khổng Việt H), sinh ngày 24/02/2002 (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của Khổng Văn H(Khổng Việt H) là: Ông Khổng Kim T, sinh năm 1971 (bố đẻ H); đều trú tại: thôn P, xã C, huyện S, tỉnh V (có mặt);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Ông Triệu Văn Đ, sinh năm 1962; trú tại: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh V (có mặt);

+ Chị Lưu Thị H, sinh năm 1979; trú tại: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh V (có mặt);

+ Chị Triệu Thị Trọng, sinh năm 1973; trú tại: Thôn Hi, xã T, huyện L, tỉnh V (có mặt);

+ Ông Lưu Văn T, sinh năm 1976; trú tại: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh V (có mặt);

+ Anh Lưu Văn Đ, sinh năm 1981; Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh V (vắng mặt)

Người làm chứng:

+ Anh Khổng Văn H1, sinh ngày 13/5/2002; trú tại: Thôn D, xã C,huyện S, tỉnh V (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của Khổng Văn H: Anh Trịnh Anh D, Bí thư đoàn thanh niên xã C, huyện S, tỉnh V (vắng mặt);

+ Anh Khổng Ngọc K, sinh ngày 03/02/2002; trú tại: Thôn D, xã C, huyện S, tỉnh V (vắng mặt);

+ Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 2001; trú tại: Thôn D, xã C, huyện S, tỉnh V (vắng mặt);

+ Anh Khổng Ngọc K, sinh năm 2001; trú tại: Thôn N, xã C, huyện S, tỉnh V (vắng mặt);

+ Anh Khổng Xuân Hậu, sinh năm 2000; trú tại: Thôn P, xã C,huyện S, tỉnh V (vắng mặt);

+ Cháu Khổng Minh T, sinh ngày 17/02/2003; trú tại: Thôn P, xã C,huyện S, tỉnh V (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của Khổng Minh T: Anh Trịnh Anh D, Bí thư đoàn thanh niên xã C, huyện S, tỉnh V (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 20/8/2019, Triệu Văn T và Lê Xuân T2 đến nhà Lưu Văn T1 chơi được một lúc thì có Nguyễn Văn C cũng đi đến nhà T1. Khoảng 10 phút sau T1 rủ T, T2, C đến trường mầm non xã Triệu Đề, huyện Lập Thạch gặp một thanh niên tên V ở xã Đình Chu, huyện Lập Thạch để giải quyết mâu thuẫn vì trước đó T1 có xích mích với V. Khi đi T1 cầm theo 01 gậy sắt (dạng tuýp sắt) dài khoảng 90cm, đường kính 02cm gài vào bô xe máy của C, sau đó cả 04 người cùng nhau đi 02 xe máy đến trường mầm non xã Triệu Đề. Đến nơi, T gọi điện cho Nguyễn Văn Tr rủ Tr ra để nói chuyện với V, Tr đồng ý. Sau đó T2 đi xe máy biển kiểm soát 19F1 – 00843 của T đến nhà đón Tr, khi đi Tr có mang theo một gậy sắt (dạng tuýp sắt) dài 1,1m và đường kính 03cm gài vào bô xe máy của T2. Sau khi thấy T2 chở Tr đến, nhưng do V đã gọi điện xin lỗi và nói không đến gặp nữa nên T1 rủ mọi người ra cầu Phú Hậu, xã Sơn Đông, huyện Lập Thạch chơi. Khi đến đoạn đường mới gần chân cầu Phú Hậu mọi người dừng xe nói chuyện. Lúc này khoảng 21h cùng ngày có anh Khổng Văn H1 điều khiển xe máy chở anh Khổng Việt H đi cùng với anh Khổng Ngọc K đi qua vị trí nhóm của T1 đang chơi. Khi này C nói "có phải thằng H đánh mày kia không T", T nói với mọi người "đuổi

xem có phải nó không, phải thì đánh nó". Hiểu ý nói của T là đuổi theo để đánh H, T2 lấy xe máy của T chở Tr và T, C đi xe máy của mình chở T1 đuổi theo mục đích để đánh H. Đuổi được 100m thì T2 cho xe máy vượt lên vòng chắn đầu xe của H1 đang chở H, C chở T1 chặn đuôi xe của H. Khi này T nhảy xuống xe rút chiếc gậy sắt T gài ở bô xe T2, vụt H nhưng không trúng, thấy vậy T1 cũng nhảy xuống xe rút chiếc gậy sắt gài ở bô xe C ném H nhưng không trúng. Sợ bị đánh, H1 chở Hvòng xe quay lại chạy về hướng làng Đông Mật, xã Sơn Đông, huyện Lập Thạch thấy vậy T nhảy lên xe của C, T2 chở Tr đuổi theo xe H1 và H, còn T1 do không kịp lên xe nên đứng lại vị trí chặn đánh H. Khi C chở T đến khu vực cổng làng Đông Mật, xã Sơn Đông, huyện Lập Thạch thì đuổi kịp H, C cho xe vượt lên chặn đầu xe H1 thì H hốt hoảng nhảy xuống xe chạy bộ, T nhảy xuống xe cầm gậy sắt đuổi theo H. Chạy đến khu vực chợ Bãi Quần, xã Sơn Đông thì H lội xuống ao, T cầm gậy đứng trên bờ quát đe dọa làm H sợ đứng ở ao và không dám lên bờ. Liền lúc này T1 chở Tr đi đến, Tr xuống xe nhặt mẩu gạch nung (Tr khai ½ viên gạch) tại ven đường ném trúng đầu H làm bị thương chảy máu, T2 chạy đến cũng nhặt mẩu gạch tại ven đường định ném H thì T can ngăn nên T2 không ném nữa. Lúc này C cùng với H1 chạy đến thấy H bị thương ngã xuống nước, C cầm chiếc gậy đưa ra cho H nắm rồi kéo H lên bờ, sau đó H1 chở H về trạm y tế xã Cao Phong để sơ cứu vết thương. Do bị thương nặng nên gia đình đưa H đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ để điều trị từ ngày 20/8/2019 đến ngày 26/8/2019 ra viện. Sau khi đánh H xong, sợ bị nhóm của H đến trả thù nên T2, C, T1, T và Tr đi về sân vận động xã Đình Chu trốn, Tr gọi điện cho L người ở Tam Dương nhờ sang giúp đỡ. Khi L đi ô tô sang chở nhóm của T ra khu vực UBND xã Triệu Đề thấy nhóm bạn của H đông người nên không dám xuống nói chuyện, L chở nhóm của T quay lại lấy xe, C chở T2 và T1 về nhà, T chở Tr đi xuống Hà Nội lẩn trốn.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lập Thạch quyết định trưng cầu giám định, Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc có văn bản số 305/TgT ngày 22/8/2019 và số số 49/TgT ngày 21/01/2020, kết luận thương tích của anh Khổng Việt H gồm: Chảy máu màng não thùy thái dương trái + Vỡ xương đá thái dương phải. Tổn hại sức khỏe ở thời điểm hiện tại là 29%. Cơ chế hình thành vết thương: Các thương tích đã mô tả trên có thể do vật tày gây nên.

Vật chứng vụ án: Đối với mẩu gạch Nguyễn Văn Tr dùng gây thương tích cho anh Khổng Việt H và chiếc gậy sắt Lưu Văn T1 dùng ném anh H, Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không thu giữ được để xử lý; Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29U6 – 1303 mà Nguyễn Văn C dùng chở Triệu Văn T và Lưu Văn T1 đi gây thương tích cho Khổng Việt H là tài sản hợp pháp của anh Lưu Văn Đ (cậu ruột C), chiếc xe này anh Đđang quản lý sử dụng; Đối với chiếc gậy sắt Triệu Văn T dùng đánh anh Khổng Việt Hvà 01 phần chắn bùn phía trước xe mô tô kích thước (30 x 9 x 8)cm, chiếc xe mô tô HONDA Dream, biển kiểm soát 19F1 – 00843 và

01 đăng ký xe là tài sản hợp pháp của ông Triệu Văn Đ (bố đẻ T), 01 chiếc điện thoại di động cũ, nhãn hiệu Nokia màu đen của Nguyễn Văn Tr không liên quan đến tội phạm, hiện các tài sản, đồ vật trên cơ quan điều tra đã thu giữ. Riêng phần chắn bùn xe bị hỏng, ông Đ không yêu cầu Trường phải bồi thường gì.

Về phần dân sự: Gia đình các bị cáo T2, T1, C đã bồi thường cho bị hại số tiền 40.000.000 đồng, gia đình bị cáo T đã bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng, nay bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bồi thường về dân sự.

Bản Cáo trạng số 09/CT-VKS ngày 17/02/2020, Viện kiểm sát nhân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Triệu Văn T, Nguyễn Văn Tr, Lưu Văn T1, Lê Xuân T2, Nguyễn Văn C về tội "Cố ý gây thương tích", theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo Triệu Văn T, Nguyễn Văn Tr, Lưu Văn T1, Lê Xuân T2, Nguyễn Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với Triệu Văn T, Nguyễn Văn Tr, Lưu Văn T1, Lê Xuân T2, Nguyễn Văn C đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Triệu Văn T, Nguyễn Văn Tr, Lưu Văn T1, Lê Xuân T2, Nguyễn Văn C phạm tội "Cố ý gây thương tích",

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt: Triệu Văn T từ 36 đến 42 tháng tù.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn Tr từ 36 đến 42 tháng tù.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 91, 101 Bộ luật hình sự, xử phạt: Lưu Văn T1 từ 27 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo thử thách gấp đôi.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65,Điều 90, 91, 101 Bộ luật hình sự, xử phạt: Lê Xuân T2 từ 27 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo thử thách gấp đôi.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51,Điều 58, Điều 65, Điều 90, 91, 101 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn C từ 27 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo thử thách gấp đôi.

Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định.

Về dân sự: Ghi nhận các bị cáo T, T1, T2, C đã bồi thường cho bị hại số tiền 50.000.000 đồng.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như luận tội của đại

diện Viện kiểm sát.

Ý kiến của đại diện cho bị cáo T2 đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo phạm tội khi chưa thành niên, đã bồi thường và bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo.

Ý kiến người bào chữa cho bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo_Lê Xuân T2 và Nguyễn Văn C đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình,phạm tội khi chưa thành niên, đã bồi thường cho bị hại và được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

Ý kiến của ông T (bố đẻ anh H) đại diên bị hại: tôi đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo T, T1, T2, C. Về phần dân sự tôi đã nhận đủ và không yêu cầu gì thêm.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo Triệu Văn T, Nguyễn Văn Tr, Lưu Văn T1, Lê Xuân T2, Nguyễn Văn C nói lời sau cùng: đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lập Thạch, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa các bị cáo Triệu Văn T, Nguyễn Văn Tr, Lưu Văn T1, Lê Xuân T2, Nguyễn Văn C đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân huyện Lập Thạch đã truy tố. Xét lời nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, lời khai của người liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định …. và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở để xác định: Do có mâu thuẫn từ trước giữa bị cáo Triệu Văn T với anh Khổng Việt H nên khoảng 21 giờ 00 ngày 20/8/2019 tại thôn Đông Mật xã Sơn Đông Triệu Văn T,

Nguyễn Văn Tr, Lưu Văn T1, Lê Xuân T2, Nguyễn Văn C đã có hành vi dung gậy sắt và 1/2 viên gạch ném vào đầu anh Khổng Việt H gây thương tích tổn hại 29% sức khỏe.

Hành vi nêu trên do các bị cáo Triệu Văn T, Nguyễn Văn Tr, Lưu Văn T1, Lê Xuân T2, Nguyễn Văn C thực hiện đã phạm vào tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại Điều 134 Bộ luật hình sự. Giữa các bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn gì lớn (chỉ có bị cáo Trường và bị hại có mâu thuẫn nhỏ từ trước), các bị cáo đã vô cớ dùng 1/2 viên gạch ném vào đầu người khác. Vì vậy lần phạm tội này của các bị cáo pháp luật quy định là **"***Có tính chất côn đồ*" và **"***Dùng hung khí nguy hiểm*".

Xét về tính chất mức độ thực hiện tội phạm, hung khí sử dụng vào việc thực hiện tội phạm, nhân thân của các bị cáo cũng như tỷ lệ thương tích của bị hại thì hành vi của các bị cáo Triệu Văn T, Nguyễn Văn Tr, Lưu Văn T1, Lê Xuân T2, Nguyễn Văn C g đã phạm vào tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự. Điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự quy định:

2- Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này".

Khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự, quy định:

"a) Dùng... hung khí nguy hiểm...;

i) Có tính chất côn đồ".

Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Chỉ vì mẫu thuẫn nhỏ từ trước với bị cáo T mà sau khi được T rủ rê thì các bị cáo đã đồng ý ngay và điều khiển xe mô tô đuổi theo bị hại để gây thương tích cho bị hại. Vì vậy, cần xử phạt nghiêm nhằm mục đích giáo dục riêng, phòng ngừa chung góp phần phục vụ việc giữ vững an ninh chính trị tại địa phương và làm gương cho người khác.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Triệu Văn T là người khởi xướng, rủ các bị cáo khác phạm tội và có vai trò chính, việc bị cáo rủ bị cáo T1, T2, C phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm

o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo đã tác động tới gia đình để bồi thường cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Tr khi được Trường rủ tham gia gây thương tích cho bị hại, bị cáo tham gia rất tích cực và là người trực tiếp gây thương tích cho bị hại, do đó cần áp dụng hình phạt thật nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Đối với bị cáo Lưu Văn T1 khi được T rủ tham gia gây thương tích cho bị hại, bị cáo tham gia rất tích cực, mặc dù bị cáo không phải là người trực tiếp gây thương tích cho bị hại nhưng hành vi đuổi theo để đánh bị hại và hành vi ném gậy sắt về phía bị hại mặc không trúng nhưng các hành vi đó đã giúp sức về mặt tinh thần cho các bị cáo khác để gây thương tích cho bị hại. Do đó cần áp dụng hình phạt thật nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo đã tác động đến gia đình để bồi thường cho bị hại, bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Khi phạm tội bị cáo Lưu Văn T mới 17 tuổi 11 tháng 4 ngày nên được áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội theo qui định tại Điều 91, 101 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Đối với bị cáo Lê Xuân T2 và Nguyễn Văn C khi được T rủ tham gia gây thương tích cho bị hại, các bị cáo tham gia rất tích cực, mặc dù các bị cáo không phải là người trực tiếp gây thương tích cho bị hại nhưng các bị cáo đã trực tiếp điều khiển xe mô tô đuổi theo bị hại để các bị cáo khác gây thương tích trực tiếp cho bị hại. Do đó cần áp dụng hình phạt thật nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo đã tác động đến gia đình để bồi thường cho bị hại, bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Khi phạm tội bị cáo Thắng 16 tuổi 18 ngày, bị cáo C 17 tuổi 6 tháng 22 ngày nên được áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành

niên phạm tội theo qui định tại Điều 91, 101 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, vai trò của các bị cáo cũng như tính chất mức độ thực hiện tội phạm thấy bị cáo T là người rủ rê các bị cáo khác phạm tội. Bị cáo Tr là người trực tiếp gây thương tích cho bị hại nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo Triệu Văn T và Nguyễn Văn Tr mới đủ tác dụng giáo dục riêng và đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

Các bị cáo Lưu Văn T1, Lê Xuân T2, Nguyễn Văn C lần đầu phạm tội, khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, có nơi cư trú ổn định rõ ràng, thành khẩn khai báo, không gây khó khăn cho quá trình điều tra. Xét thấy các bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhiều khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà cho hưởng án treo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền nơi các bị cáo cư trú cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4]. Về trách nhiệm dân sự:

Đối với phần chắn bùn xe mô tô biển kiểm soát 19F1 – 00843 của ông Đ bị hỏng, ông Đ không yêu cầu T phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Gia đình các bị cáo T1, T2, C đã bồi thường cho bị hại số tiền 40.000.000 đồng, gia đình bị cáo T đã bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng, nay bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bà Lưu Thị H (mẹ bị cáo C), bà Triệu Thị T (mẹ bị cáo T2) và ông Lưu Văn T (là bố bị cáo T1) ông Triệu Văn Đ (bố bị cáo T) đã bồi thường số tiền 50.000.000 đồng thay cho các bị cáo, nay không yêu cầu các bị cáo Triệu Văn T, Nguyễn Văn Tr, Lưu Văn T1, Lê Xuân T2, Nguyễn Văn C phải trả số tiền trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc gậy sắt Triệu Văn T dùng đánh anh Khổng Việt H và 01 phần chắn bùn phía trước xe mô tô bị vỡ kích thước (30 x 9 x 8)cm, hiện không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc xe mô tô HONDA Dream, biển kiểm soát 19F1 – 00843 và 01 đăng ký xe là tài sản hợp pháp của ông Triệu Văn Đ (bố đẻ T), khi T sử dụng chiếc xe trên vào việc phạm tội ông Đ không biết nên trả lại cho ông Đ.

01 chiếc điện thoại di động cũ, nhãn hiệu Nokia màu đen của Nguyễn Văn Tr không liên quan đến tội phạm nên trả lại bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[6]. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo T, Tr, T1, T2 phải chịu theo quy định của pháp luật; bị cáo C thuộc hồ nghèo nên được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Tuyên bố: Bị cáo Triệu Văn T, Nguyễn Văn Tr, Lưu Văn T1, Lê Xuân T2, Nguyễn Văn C phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt: Triệu Văn T 03(ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 10/9/2019. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn Tr 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 10/9/2019. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b ,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65, Điều 91, 101 Bộ luật hình sự, xử phạt: Lưu Văn T1 02 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm 06 tháng thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65, Điều 91, 101 Bộ luật hình sự, xử phạt: Lê Xuân T2 02 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm 06 tháng thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65, Điều 91, 101 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn C 02 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm 06 tháng thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Lưu Văn T1, Lê Xuân T2, Nguyễn Văn C cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh V giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách của án treo, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại ông Triệu Văn Đ: 01 xe mô tô HONDA Dream biển kiểm soát 19F1 – 00843 và 01 đăng ký xe đứng tên Nguyễn Văn Q.

Trả lại Nguyễn Văn Tr 01 điện thoại di động Nokia nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy 01 gậy sắt, 01 chắn bùn phía trước xe mô tô bị vỡ.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch).

- Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Triệu Văn T, Nguyễn Văn Tr, Lưu Văn T1, Lê Xuân T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Nguyễn Văn C không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Lập Thạch;
- Trại tạm giam – Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- CQĐT - Công an huyện Lập Thạch;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi Cục THADS huyện Lập Thạch;
- UBND xã T, huyện Lập Thạch;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Trần Văn Sơn